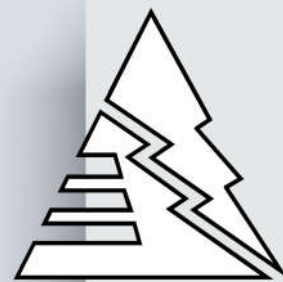


CÔNG TY TNHH CN & DV HÀNH TINH



www.dienhathe.xyz

Bảng Giá

HITACHI

HITACHI

2016

• Thiết Bị Đóng Cắt

www.dienhathe.vn



CÔNG TY TNHH CN & DV HÀNH TINH

CÔNG TY TNHH CN & DV HÀNH TINH

Đ/c: 54 Chau Vĩnh Tế - P.12 - Q.Tan Bình – TP.HCM

Tel: 08. 38.491.223 Fax: 08. 39.492.564

Website: www.dienhathe.xyz

Email: hongnhung@dienhathe.com

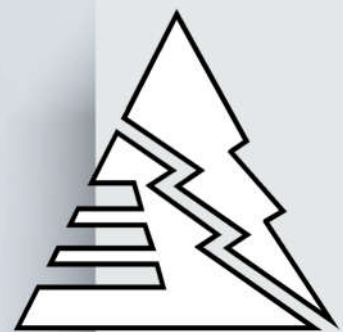
Hotline: 0907.764.966

Website Sản Phẩm: <http://dienhathe.vn>

Diễn Đàn Sài Gòn: <http://dienhathe.com.vn>

Tài Liệu & Bảng Giá : <http://doc.dienhathe.vn>

Download Site: <http://download.dienhathe.vn>



www.dienhathe.xyz

www.dienhathe.vn




MCCB	MODEL	SỐ CỰC	DÒNG ĐỊNH MỨC	DÒNG NGẮN MẠCH	GIÁ (VND)	
F SERIES Loại Kính tế						
	F-30FB 2P	2P	3,5,10,15,20,30A	2.5kA	680,000	
	F-60RB 2P	2P	5,10,15,20,30,40,50,60A	10kA	940,000	
	F-30FB 3P	3P	3,5,10,15,20,30A	2.5kA	980,000	
	F-60RB 3P	3P	5,10,15,20,30,40,50,60A	10kA	1,150,000	
	FXK-125S 3P	3P	15,20,30,40,50,60,75, 100,125A	30kA	1,680,000	
	F-50KB 3P	3P	5,10,15,20,30,40,50A	50kA	2,300,000	
	FXK-125H 3P	3P	15,20,30,40,50,60,75,100A	50kA	2,400,000	
	FXK-125H 3P	3P	125A	50kA	3,600,000	
	FXK-250S 3P	3P	125,150,200,225A	30kA	4,000,000	
	FXK - 250H 3P	3P	250A	30kA	5,200,000	
	FXK - 250H 3P	3P	125,150,200,225A	50kA	4,400,000	
	FXK - 250H 3P	3P	250A	50kA	5,800,000	
	F-400R 3P	3P	250,300,350,400A	50kA	6,400,000	
	FX-400 3P	3P	200~400A	50kA	7,000,000	
	F-600F 3P	3P	500,600A	50kA	14,600,000	
	FX-600 3P	3P	300~600A	50kA	16,200,000	
	F-800R 3P	3P	700,800A	50kA	15,800,000	
	FX-800 3P	3P	400~800A	50kA	17,000,000	
	F-800RH 3P	3P	700,800A	85kA	20,000,000	
	F-1000C 3P	3P	1000A	85kA	38,600,000	
	FX-1000 3P	3P	500~1000A	85kA	38,600,000	
	F-1200C 3P	3P	1200A	85kA	43,800,000	
	FX-1200 3P	3P	600~1200A	85kA	43,800,000	
	F-1600E 3P	3P	1600A	85kA	76,200,000	
	F-50KB 4P	4P	5,10,15,20,30,40,50	50kA	3,820,000	
	F-400R 4P	4P	250,300,350,400A	50kA	9,600,000	
	F-600F 4P	4P	500,600A	50kA	21,000,000	
	F-800R 4P	4P	700,800A	50kA	27,000,000	
F-800RH 4P	4P	700,800A	85kA	30,000,000		
F-1600E 4P	4P	1600A	85kA	99,200,000		
S SERIES Loại tiêu chuẩn						
	S-N50SB	2P	5,10,15,20,30,40,50A	2.5kA	800,000	
	S-N60RB	2P	5,10,15,20,30,40,50A	5kA	1,010,000	
	S-N100EB	2P	60,75,100A	10kA(*)	1,240,000	
	S-N100SB	2P	60,75,100A	10kA	1,180,000	
	S-N50SB	3P	5,10,15,20,30,40,50A	2.5kA	1,000,000	
	S-N60RB	3P	5,10,15,20,30,40,50A	5kA	1,210,000	
	S-N100EB	3P	60,75,100A	10kA(*)	1,540,000	
	S-N100EZ	3P	60,75,100A	10kA	1,480,000	
	S-N100SB	3P	60,75,100A	10kA	1,500,000	
	S-N225SB	3P	125,150,175,200,225A	15kA	2,620,000	
	SXK-225	3P	125,150,175,200,225A	15kA	2,820,000	
	S-N400S	3P	250,300,350,400A	25kA	5,400,000	
	SX-400	3P	300A	36kA	6,200,000	
	S-N600S	3P	500,600A	22kA	12,000,000	
	SX-600	3P	600A	36kA	13,600,000	
	S-N800S	3P	700,800A	36kA	15,200,000	
	SX-800	3P	800A	36kA	16,300,000	
	L SERIES Loại dòng đóng ngắt cao					
		L-50E	3P	15,20,30,40,50A	125kA	5,000,000
		L-100E	3P	60,75,100A	125kA	6,000,000
L-225E		3P	125,150,175,200,225A	125kA	6,400,000	
L-400E		3P	250,300,350,400A	125kA	7,800,000	
L-600E		3P	500,600A	125kA	17,600,000	
L-800E		3P	700,800A	125kA	28,400,000	
L-225E		4P	125,150,175,200,225A	125kA	9,300,000	
L-400E		4P	250,300,350,400A	125kA	11,800,000	
L-600E		4P	500,600A	125kA	26,200,000	
L-800E		4P	700,800A	125kA	42,600,000	

Attomat cài	MODEL	SỐ CỰC	DÒNG ĐỊNH MỨC	DÒNG NGẮN MẠCH	GIÁ (VND)
	BK-63 MCB tiêu chuẩn, gắn trên thanh rail 35 mm (1 cực)			Ics/230 VAC	
	BK-63	1P	6, 10, 16, 20, 25, 32, 40A	6kA	61,000
	BK-63	1P	50, 63A	6kA	68,000
	MCB tiêu chuẩn, gắn trên thanh rail 35 mm (2 cực)			Ics/230 VAC	
	BK-63	2P	6, 10, 16, 20, 25, 32, 40A	6kA	120,000
	BK-63	2P	50, 63A	6kA	150,000
	MCB tiêu chuẩn, gắn trên thanh rail 35 mm (3 cực)			Ics/230 VAC	
	BK-63	3P	6, 10, 16, 20, 25, 32, 40A	6kA	230,000
	BK-63	3P	50, 63A	6kA	250,000
	MCB tiêu chuẩn, gắn trên thanh rail 35 mm (4 cực)			Ics/230 VAC	
BK-63	4P	6, 10, 16, 20, 25, 32, 40A	6kA	290,000	
BK-63	4P	50, 63A	6kA	320,000	
BTK-63	MODEL	SỐ CỰC	DÒNG ĐỊNH MỨC	DÒNG NGẮN MẠCH	GIÁ (VND)
	BTK-63 MCB tiêu chuẩn, gắn trên thanh rail 35 mm (1 cực)			Ics/230 VAC	
	BTK-63	1P	6, 10, 16, 20, 25, 32, 40A	10kA	105000
	BTK-63	1P	50, 63A	10kA	130000
	MCB tiêu chuẩn, gắn trên thanh rail 35 mm (2 cực)			Ics/230 VAC	
	BTK-63	2P	6, 10, 16, 20, 25, 32, 40A	10kA	235,000
	BTK-63	2P	50, 63A	10kA	270,000
	MCB tiêu chuẩn, gắn trên thanh rail 35 mm (3 cực)			Ics/230 VAC	
	BTK-63	3P	6, 10, 16, 20, 25, 32, 40A	10kA	400,000
	BTK-63	3P	50, 63A	10kA	420,000
	MCB tiêu chuẩn, gắn trên thanh rail 35 mm (4 cực)			Ics/230 VAC	
BTK-63	4P	6, 10, 16, 20, 25, 32, 40A	10kA	600,000	
BTK-63	4P	50, 63A	10kA	640,000	
RCCB	MODEL	SỐ CỰC	DÒNG ĐỊNH MỨC	DÒNG ĐIỆN RÒ	GIÁ (VND)
	RK-63	2P	25, 32, 40A	30, 100,	560,000
	RK-63	2P	63A	300mA	740,000
	RK-63	4P	25, 32, 40A	30, 100,	560,000
	RK-63	4P	63A	300mA	740,000
ACB	MODEL	Dòng định mức	Dòng ngắn mạch	GIÁ (VND)	
AKN SERIES					
	AKN-06D 3P	630A	65kA		59,600,000
	AKN-08D 3P	800A	65kA		56,000,000
	AKN-10D 3P	1000A	65kA		
	AKN-13D 3P	1250A	65kA		
	AKN-16D 3P	1600A	65kA		74,000,000
	AKS-20E 3P	2000A	85kA		84,000,000
	AKS-25E 3P	2500A	85kA		98,200,000
	AKS-32E 3P	3200A	85kA		117,600,000
	AKS-40E 3P	4000A	85kA		152,000,000
	AKS-50F 3P	5000A	100kA		208,000,000
	AKS-63G 3P	6300A	120kA		338,000,000
	Phụ kiện ACB				
	UVT Under Voltage Trip	F-400R, SX-400, FX-400, S-400S			3,840,000
		F-600R, F-800R, SX-600, FX-600, SX-800, FX-800, S-600S, S-800S, F-800RH			4,100,000
		F-1000C, F-1200C, FX-1000, FX-1200			7,000,000
		F-30FB, F60RB, S-50SB, S-60RB, S-100SB, S-100EB			1,080,000
		FXK-125S, FXK-125H			1,190,000


SHT Shunttrip	S-225SB, SXK-225	1,320,000
	FXK-250S, FXK-250H	1,400,000
	F-400R, SX-400, FX-400, S-400S	1,400,000
	F-600R, F-800R, SX-600, FX-600, SX-800, FX-800, S-600S, S-800S, F-800RH	1,800,000
	F-1000C, F-1200C, FX-1000, FX-1200	2,100,000
AUX Auxiliary Switch(1C)	F-30FB, F60RB, S-50SB, S-60RB, S-100SB, S-100EB	600,000
	FXK-125S,FXK-125H	700,000
	S-225SB, SXK-225	820,000
	FXK-250S, FXK-250H	880,000
	F-400R, SX-400, FX-400, S-400S	880,000
	F-600R, F-800R, SX-600, FX-600, SX-800, FX-800, S-600S, S-800S, F-800RH	900,000
	F-1000C, F-1200C, FX-1000, FX-1200	1,800,000
AL Alarm Switch (1C)	F-1000C, F-1200C, FX-1000, FX-1200	700,000
	FXK-125S,FXK-125H	960,000
	S-225SB, SXK-225	1,100,000
	FXK-250S, FXK-250H	1,100,000
	F-400R, SX-400, FX-400, S-400S	1,100,000
	F-600R, F-800R, SX-600, FX-600, SX-800, FX-800, S-600S, S-800S, F-800RH	1,100,000
	F-1000C, F-1200C, FX-1000, FX-1200	1,800,000


Contactor	MODEL	Dòng điện	Tiếp điểm	GIÁ (VND)
-----------	-------	-----------	-----------	-----------

HS Series				
	HS10	10A	1NO	310,000
	HS20	20A	1NO-1NC	504,000
	HS20	20A	2NO-2NC	620,000
	HS25	25A	1NO-1NC	620,000
	HS25	25A	2NO-2NC	704,000
	HS35	35A	2NO-2NC	840,000
	HS50	50A	2NO-2NC	1,080,000
	H65C	65A	2NO-2NC	1,540,000
	H80C	80A	2NO-2NC	2,100,000
	H100C	100A	2NO-2NC	2,500,000
	H125C	125A	2NO-2NC	3,500,000
	H150C	150A	2NO-2NC	4,130,000
	H200C	200A	2NO-2NC	5,700,000
	H250C	250A	2NO-2NC	6,700,000
	H300C	300A	3NO-3NC	15,200,000
H400C	400A	3NO-3NC	17,200,000	
H600C	600A	4NO-4NC	37,500,000	
H800C	800A	4NO-4NC	52,000,000	

Relay Nhiệt	MODEL	Dòng định mức	Tiếp điểm	GIÁ (VND)
-------------	-------	---------------	-----------	-----------

Relay Nhiệt	Mã hàng	Dải nhiệt	Dùng cho Contactor	For S-N Series
-------------	---------	-----------	--------------------	----------------

	TR12B-1E 0.2A	0.16~0.24A	HS8, HS10	330,000
	TR12B-1E0.3A	0.22~0.38A	HS8, HS10	330,000
	TR12B-1E 0.5A	0.38~0.62A	HS8, HS10	330,000
	TR12B-1E 0.8A	0.6~1.0A	HS8, HS10	330,000
	TR12B-1E 1.2A	0.9~1.5A	HS8, HS10	330,000
	TR12B-1E 1.4A	1.1~1.8A	HS8, HS10	330,000
	TR12B-1E 2.4A	1.7~2.9A	HS8, HS10	330,000
	TR12B-1E 3.8A	2.8~4.4A	HS8, HS10	330,000
	TR12B-1E 5A	4~6A	HS8, HS10	330,000
	TR12B-1E 6.8A	5~8A	HS8, HS10	330,000
	TR12B-1E 9A	7~11A	HS8, HS10	330,000



TR12B-1E 11A	9~13A	HS8, HS10	330,000
TR20B-1E 0.2A	0.16~0.24A	HS 20	370,000
TR20B-1E0.3A	0.22~0.38A	HS 20	370,000
TR20B-1E 0.5A	0.38~0.62A	HS 20	370,000
TR20B-1E 0.8A	0.6~1.0A	HS 20	370,000
TR20B-1E 1.2A	0.9~1.5A	HS 20	370,000
TR20B-1E 1.4A	1.1~1.8A	HS 20	370,000
TR20B-1E 2.4A	1.7~2.9A	HS 20	370,000
TR20B-1E 3.8A	2.8~4.4A	HS 20	370,000
TR20B-1E 5A	4~6A	HS 20	370,000
TR20B-1E 6.8A	5~8A	HS 20	370,000
TR20B-1E 9A	7~11A	HS 20	370,000
TR20B-1E 11A	9~13A	HS 20	370,000
TR20B-1E 15A	12~18A	HS 20	370,000
TR25B-1E 20A	16~24A	HS 25	400,000
TR25B-1E 22A	18~26A	HS 25	400,000
TR50B-1E 9A	7~11A	HS35, HS50	580,000
TR50B-1E 11A	9~13A	HS35, HS50	580,000
TR50B-1E 15A	12~18A	HS35, HS50	580,000
TR50B-1E 20A	16~24A	HS35, HS50	580,000
TR50B-1E 28A	22~34A	HS35, HS50	580,000
TR50B-1E 40A	32~48A	HS35, HS50	580,000
TR50B-1E 55A	45~65A	HS35, HS50	580,000
TR80B-1E 20A	16~24A	HS65, HS80	800,000
TR80B-1E 28A	22~34A	HS65, HS80	800,000
TR80B-1E 40A	32~48A	HS65, HS80	800,000
TR80B-1E 55A	45~65A	HS65, HS80	800,000
TR80B-1E 67A	55~80A	HS65, HS80	800,000
TR150-1E 80A	65~95A	HS100, HS125, HS150	960,000
TR150-1E 105A	90~120A	HS100, HS125, HS150	960,000
TR150-1E 130A	110~150A	HS100, HS125, HS150	960,000